

Huỳnh Trung Chánh

BÁT TÀNG BÁT GIẢM



Ước mơ thầm thiết của các bà mẹ Á Đông là mong được hủ hỉ với con cái suốt đời, dầu rằng phải nai lưng phục vụ chúng cho đến mức hơi tàn sức kiệt cũng vẫn hài lòng. Thế nhưng, ước mơ “tâm thường” của thím Wong có vẻ đã bị đe dọa trầm trọng, kể từ khi hai cậu con lớn chọn những trường nổi tiếng thuộc miền Đông Bắc Mỹ xa xôi để tiếp tục bậc đại học rồi biến biệt không về nhà, “năm khi mười họa” chúng mới điện thoại về thì để chỉ nhằm than thở đang cơn túng thiếu cần tiền chi viện, chớ ngoài ra, chẳng cậu nào thực lòng nhớ tưởng đến bà mẹ già đang mòn mỏi trông ngóng tin con từng giờ từng phút. Thím vừa chua xót vừa ngay ngáy lo sợ cô con gái út sẽ bỏ nhà đi mất nữa, nên thâm dấn lòng sẽ dùng “trăm phương ngàn kế” để ràng rịt cô gái suốt đời mới được. Thoạt tiên, thím thuyết phục Lucy chọn đại học Cựu Kim Sơn, ngôi trường chỉ cách nhà có 20 phút lái xe, nên cô vẫn tiếp tục sống với gia đình đi học như thời trung học. Tuy vậy thím vẫn chưa thực sự an tâm, thím nghĩ mình cần phải chọn rể cùng chủng tộc và cùng sống tại Cựu kim Sơn, thì con gái mới không bỏ đi đâu được. Thím rao vòng vòng trong cộng đồng người Hoa, móc nối những gia đình có con trai xứng đôi, để úp mở tạo điều kiện cho chúng gặp nhau. Mặt khác, thím cũng thận trọng theo dõi đám bạn trai của con từng li từng tí, canh chừng từng chàng trai, mà hễ thấy cậu nào khác màu da, thì bằng cách này cách khác thím chê bai và

kê khai đủ “tội” để “hất cẳng” ra, đứa da vàng mắt xéch “tương tá tạm tạm để coi” thì tán tưng thối phòng để “lôi kéo” vào. Sau bao năm miệt mài tranh đấu, xử dụng đủ mọi phương pháp cứng mềm : nói sùi bọt mép, nhỏ bao giọt nước mắt, làm mặt giận, mặt hờn... để lung lạc con, kết cuộc rồi, thím cũng thành công như ý nguyện. Lucy tỏ vẻ khảng khít với anh chàng sinh viên cùng trường, cũng gốc gác Trung Hoa, nên thím Wong vui như mở cờ trong bụng, thím khuyến khích hai đứa chánh thức kết hôn, hy vọng sớm có cháu ngoại ẵm bông. Một hôm, nghe loáng thoáng hai đứa bàn đến những địa điểm du lịch hấp dẫn, thím đoán “cá đã ăn câu” rồi, chắc mềm là chúng đang chuẩn bị đám cưới và tuần trăng mật, nên thím hùng chí “thừa thắng xông lên” gạ gẫm : “Sau đám cưới, nếu David về đây thì hai con có thể dọn vô phòng cũ của hai anh cho rộng rãi. Còn phòng của Lucy bây giờ thì để dành sẵn cho cháu ngoại của má! Hi! Hi! Nè, hãy ráng sanh con sớm sớm cho vui nhà vui cửa nhé!” Đề nghị hấp dẫn này, đáng lẽ phải được thằng rẻ hoan hô nhiệt liệt, nhưng thằng David, tuy mặt mày người Hoa, nhưng lòng dạ rất ròng Mỹ, hấn nghĩ sao nói vậy chẳng kể lớn nhỏ gì hết, và sẵn đang bức bối lối sống đại gia đình cổ lỗ sĩ mất tự do, nên buột miệng cười hô hô, rồi phang liền một câu “xanh dờn” : “Giờn hoài bà già! Tụi này phải thử chung sống vài năm rồi mới tính chuyện cưới hỏi chứ? Còn cái con Lucy nó đâu còn bú, đâu cần vú em... mà bà đòi giữ riết trong cái nhà này mãi vậy bà?”. Thím Wong cứng họng chẳng nói thêm lời nào, chửi tiếng Hoa thì hấn không hiểu, cầm bằng tranh luận bằng tiếng Mỹ thì chỉ có nước thua thiệt nhục nhã mà thôi. Thím chỉ biết dùng tình cảm mẹ con để lung lạc Lucy, cấm tuyệt con bé không được giao du với giống mất dạy đó nữa. Ngờ đâu, chỉ trong vòng hai tuần thì Lucy bỗng lặng lẽ cuốn gói dọn đến chung cư của tình nhân, rồi vài tháng sau, chúng đưa nhau đi lập nghiệp ở một tiểu bang xa lơ xa lắc, không dành cho thím một cơ hội cón con nào để xen vào đời

sống riêng tư của chúng nữa.

Thua buồn, vợ chồng thím Wong tìm đến cộng đồng người Hoa trong Hội cao niên để có cơ hội họp mặt với những người đồng hương cùng lứa tuổi, đang trăn trở bởi nỗi niềm cô đơn tại xứ người, để hàn huyên tâm sự, hoài niệm lại mảnh quê hương yêu dấu ở bên kia bờ Thái bình dương. Nếp sống bận rộn mới mẻ này đã giải tỏa phần nào nỗi chua xót thầm kín chất chứa trong lòng thím, nhất là những khi thím khám phá được những bà mẹ đồng bệnh để “xổ bầu tâm sự”, và để cùng “hòa tấu” màn chửi đổng cái “xã hội cà chớn” và nền “văn hóa mất dạy” của tụi bọn Mỹ cho bỏ ghét. Quê hương rất dễ gợi nhớ qua mùi vị, nên nhóm thân hữu cứ tranh nhau tổ chức tiệc tùng, bà nào cũng trở tài nấu nướng, toàn là những món đặc sản, càng khó tìm gia vị, càng quý giá.

Mùa lễ Tạ Ôn năm 1959, thím Wong tản mẩn bỏ ra mấy ngày trời rình rang chuẩn bị cơm nước để long trọng mời đám bè bạn mạc chước : vợ chồng Tchao, Shu và Liu tham dự tiệc liên hoan. Tuy nhân danh lễ Tạ Ôn theo truyền thống Hoa Kỳ, nhưng trên bàn tiệc chỉ toàn là món ăn Á Đông, chẳng có bóng dáng chú gà lôi nào hiện diện cả. Có lẽ chính nhờ đặc điểm này, mà đám thực khách hồ hởi ra mặt. Thím Tchao, khoái chí nếm muống “súp” măng tây vi cá nấu với cua còn nghi ngút khói phù hợp khẩu vị mình, bèn hét toáng lên :

- Oái chà! Món “súp” này chị nấu thật tài tình! Tôi có thể đoan chắc rằng, trong khắp thành phố Cựu Kim Sơn này, kể các nhà hàng sang trọng cũng không đâu bếp nào nấu nướng tuyệt vời như chị!

- Nhất hạng là chị Wong mà!, thím Liu cũng hụ hợ tán dương.

Thím Wong cười hề hả: “Tui cũng vụng lắm! Chỉ ráng sức theo đuôi mấy chị mà thôi!”. Thím Shu, cũng vội vã góp ý :

- Chị quá khiêm cung thôi, chớ nghệ thuật nấu nướng của chị độc đáo không

ai chối cãi được. Điểm đặc biệt là mừng lễ Tạ Ôn mà chị cho ăn toàn món Trung Quốc thuần túy, mới mà điều đáng hoan hô nhiệt liệt chứ! Tôi không hiểu nổi tại sao bọn Mỹ có thể ăn mãi cái món gà lôi nhạt nhẽo mà có thể chịu được kìa!

Chú Liu, ra vẻ nghiêm trang trình trọng lên tiếng :

- Có thể nói nghệ thuật nấu nướng là một kết tinh đặc trưng của văn hóa. Nước mình có cả mười ngàn năm văn hiến dĩ nhiên phải cao tột hơn một nước mới lập quốc vài trăm năm như Hoa Kỳ. Chẳng lạ gì, mà thực đơn của bọn Mỹ bất quá chỉ là những món hamburger, hot dog ngấy thịt... chứ tìm đâu ra được món ăn trang nhã, phẩm chất thanh cao thâm trầm như trong nghệ thuật nấu nướng của nước mình cho được!

Nghe Liu chê bai văn hóa Mỹ phù hợp với cõi lòng thâm kín của mình, thím Wong liền chụp ngay cơ hội bằng vàng, chửi đũa:

- Còn nói gì đến cái nền văn hóa mất gốc của nước này! Ăn uống thì phàm phu tục tử, nói năng thì ngổ ngáo hỗn hào, không nhân nghĩa, không lễ giáo... chỉ có tiền, tiền, tiền... mà thôi!

- Chị phán đúng phóc hà! Người Mỹ họ tệ lắm! Họ thô lỗ, chứ đâu có đạo đức lễ nghĩa nhân hậu như người mình, một dân tộc nghìn đời được nuôi dưỡng và thấm nhuần bởi nền giáo lý tam cương ngũ thường Khổng Mạnh, a chị!, chú Tchao góp ý.

Chú Shu lắc đầu ngậy ngậy ra vẻ phản đối, rồi lên tiếng :

- Chuyện gì chứ cho rằng người Trung Hoa mình thấm nhuần đạo đức lễ nghĩa thì tôi không dám tin a!

Chú trầm ngâm giây lát, rồi lừng khừng tiếp lời :

- Tự hào là dân tộc lễ nghĩa làm sao được chứ, khi mà một vị tu sĩ, có thể nói là bậc đạo đức cao tăng tại lục địa vừa nằm xuống, thì ở tại đây, có nhóm cả trăm người Hoa đã hùa nhau xuống đường, giăng biểu ngữ hô hào lên án, bịa

chuyện vu vơ để phỉ báng chửi bới! Đúng là cộng đồng mình bày trò vô liêm sỉ, chó đạo đức ở chỗ nào đâu?

Thím Wong thoát nghe giọng “đậm bang” của chú Shu mà nóng mặt, thím muốn sùng sộ ngay, chùng nghe rõ ra, bỗng “hạ hỏa”, buồn hiu đáp :

- Anh Shu than phiền cũng phải! Một kẻ đại gian ác, khi đã nằm xuống rồi, người đời còn thứ tha không nữa chê trách nữa, vậy mà đối với một vị cao tăng, trọn đời hy sinh cho đạo pháp như Hòa Thượng Hư Vân(*), mà có những kẻ bạo mồm đặt điều vu khống rồi ồn ào xuống đường la ó xỉ vả, trong nhóm đó lại có một đại sư mặc áo tràng hung hăng cầm loa hét vang, đúng là diễn thứ trò hề quái gở cho người địa phương chê bai đàm tiếu. Thiệt là xấu hổ quá chừng hà!

Thím Tchao đang dồn hết tâm lực ngòm ngoàm thưởng thức con chim bồ câu rần rộn rậm, dường như không để ý với những lời bàn ngang tán dục của bè bạn, bỗng lên tiếng :

- Uả ? có vụ ồn ào hấp dẫn như vậy, mà sao tôi không hay biết mảy may gì ráo kià? À, mà đầu đuôi nội vụ như thế nào vậy? Các anh chị!

Chú Wong ôn tồn giải thích :

- Hòa Thượng Hư Vân là vị cao tăng nổi tiếng từ thời Dân Quốc. Hòa thượng nhất quyết ở lại đại lục để tiếp tục hoằng pháp tại đạo tràng Chân Như, núi Vân Cư, tỉnh Giang Tây và từ trần tại đây vào đầu thu năm nay. Đại Sư Tuyên Hóa chùa Vạn Phật, vốn là đệ tử của Ngài đã tổ chức đại lễ tưởng niệm, thì bị một số người phá rối bằng cách xách động đồng bào biểu tình lên án hòa thượng Hư Vân là kẻ phản quốc vì đã chạy theo nhà nước cộng sản...

Liu ra giọng mỉa mai cắt ngang :

- Hừ! “Không có lửa sao có khói. Trống treo ai dám đánh thùng. Nị không ai dám dờ mừng chung vô!”. Tôi nghe nói lão Hư Vân được Bắc Kinh trọng

vọng lắm mà!

Thím Liu cũng hòa theo chồng :

- Nghe nói ông xây dựng ngôi chùa vĩ đại, nuôi chúng cả ngàn người, nếu không dính líu với nhà nước, không làm thầy tu “quốc danh” thì làm sao sống được với những kẻ vô thần?

Shu nóng mặt nhưng gắng giữ vẻ bình tĩnh đáp :

- Người ta cố tình chụp mũ Ngài, chứ Ngài ở lại là chấp nhận gian khổ, đói rách để hoằng dương đạo pháp mà thôi. Thật vậy, vào năm 1952, lực lượng công an huyện Không Nguyên đã tràn vào chùa Vân Môn bắt giữ, đánh đập vu cáo tăng sĩ chứa chấp vũ khí phản động, riêng Ngài đã bị chúng tra tấn tàn nhẫn ngắt xiềng nhiều lần nằm liệt như xác chết trong 2 tháng trời, mãi cho đến khi cả thế giới lên án mới được chánh quyền trung ương can thiệp ra lệnh giải tỏa. Năm sau, nhà nước cưỡng bách Ngài lên Bắc Kinh hy vọng sử dụng Ngài làm bù nhìn cho tổ chức Phật Giáo mệnh danh “Liên Hội Phật Giáo Trung Quốc” nhưng bị Ngài vạch rõ âm mưu nên bọn chúng bèn đày Ngài lên Lô Sơn “dưỡng bệnh”. Ở Lô Sơn Ngài nghe tin tổ đình Chân Như, núi Vân Cư bị tàn phá hoang vắng, nên xin được đến đó tu tập. Đây được Ngài trụ vào chỗ khi ho cơ gáy, chúng yên tâm Ngài sẽ lâm cảnh “thân tàn ma dại”, đói rách rục xương ở đó. Ngờ đâu, Phật tử khắp thế giới gởi tịnh tài nườm nượp về cúng dường, tăng chúng trong nước len lỏi tìm về đạo tràng của Ngài hợp sức công quả khai khẩn đất hoang để tự túc mà tu tập, do đó, chẳng bao lâu Ngài đã kiến tạo được một đạo tràng vĩ đại tại núi Vân Cư. Thấy đạo tràng sung túc, đất đai khai phá mầu mỡ, chánh quyền địa phương lại chụp mũ rồi giam giữ Ngài nhằm chiếm đoạt tài sản Vân Cư. Một lần nữa, nhờ thế giới tự do cực lực phản đối, cuối cùng trung ương đảng buộc lòng hạ lệnh phóng thích Ngài. Tóm lại, hành hoạt của Ngài quang minh chánh đại, có như bọn người lớn hòng vu cáo đâu?

- Anh ở Hoa Kỳ mà lại rành chuyện lục địa quá ha! Anh nói ông không dính líu gì với nhà nước, vậy ai cử ông đứng ra tiếp đón phái đoàn Phật Giáo Tích Lan vậy anh?, Liu ra giọng mỉa mai.

Shu cũng hậm hực giải thích :

- Theo tôi hiểu thì vào năm 1953 khi phái đoàn Phật Giáo Tích Lan mang ba bảo vật là : xá lợi Phật, búi diệp tạng kinh, cây bồ đề tặng cho Phật Giáo Trung Quốc, thì lúc đó, với tư cách là cố vấn danh dự Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc, Ngài đã được cử ra tiếp đón. Năm sau, khi Hiệp Hội Phật Giáo này bị nhà nước giải tán để thành lập tổ chức khác mang tên Liên Hội Phật Giáo Trung Quốc, thì chính Ngài đã chỉ trích và từ chối gia nhập tổ chức này, nên liền sau đó, Ngài bị cưỡng bách đi Lô Sơn, rồi đến Vân Cư...

Nhận thấy không khí có phần căng thẳng, chú Wong vội hoà nhã cất tiếng :

- Anh Liu à! những người sinh sống trong một chế độ độc tài đảng trị tại lục địa, thường xuyên bị rình rập kiểm soát, bị giam cầm, tra tấn, thủ tiêu, bất cứ lúc nào, thì khó mà công khai “chống cộng” ồn ào kiểu như bọn chúng mình được. Giới tu sĩ trong nước, vì đại nguyện hoằng pháp có khi phải chấp nhận hòa hoãn, nép mình, khổ nhục đắng cay để mà sinh hoạt, có lẽ mình cũng thông cảm được phải không anh?

Rồi mỉm cười nhìn chú Shu, Wong tiếp lời :

- Những vị cao tăng như Ngài Hư Vân, bao lần bị chụp mũ phỉ báng tội tệ, bị giam cầm tra tấn đến bất tỉnh, đạo tràng bị đập phá, cưỡng đoạt... vậy mà, lúc nào Ngài cũng vẫn an nhiên tự tại, đại hùng đại lực hoằng dương đạo pháp... đạo đức của Ngài lúc nào sáng ngời, có chế độ nào, có đoàn thể nào làm lu mờ nổi đâu? Vậy thì vụ hoan hô đả đảo nhỏ nhít tại Cựu kim Sơn có nghĩa lý gì mà mình phải lưu tâm, phải không anh Shu? Thôi! Anh em mình nên bỏ qua vụ này đi, để có thể dành trọn thời giờ lưu tâm thưởng thức những món ăn độc đáo của bà xã tôi chứ!

Thím Tchao cười hô hô :

- Ủ nhỉ! Đồ ăn ê hề, món nào cũng hấp dẫn đặc biệt, mà các ông anh bà chị cứ nhờn nhờ bàn chuyện tào lao, rủi ro tôi lỡ đại vét sạch, thì ráng mà chịu ghen, đừng than trách nhé!

Chú Tchao đang ngoạm cái đùi vịt nấu tiêu béo ngậy, cũng đành ngưng lại nhắc nhở :

- Ê! Chúng mình phải “đánh mau, quét dọn mạnh”, rồi vào sông mặc chược nữa chứ!

oOo

Chủ khách bắt đầu tung bừng thù tạc, thân mật chuyện trò toàn những đề tài thuộc loại “xe cán chó” vô thưởng vô phạt, tranh nhau kể chuyện tiêu lâm vui vui, và dường như đã quên hẳn vụ hoan hô đả đảo gay cán lúc ban đầu. Tiệc vừa tàn thì vợ chồng chú Liu liền vội vã kiếu từ, viện lẽ thành linh có bạn phương xa viếng thăm. Sông mặc chược thiếu tay, nên vợ chồng chú Tchao cũng xin lui gót sớm, dĩ nhiên, là sau khi họ đã gạ gẫm gia chủ đề “thu vét” vài món ăn hạp khẩu về nhà.

Khi chỉ còn lại hai gia đình, thím Wong mới thân mật lên tiếng :

- Hai anh chị có biết anh Liu thuộc thành phần quá khích không? Tánh ảnh lại đa nghi lắm, ai lơ mơ là ảnh “chụp mũ” liền hà!

- Dĩ nhiên là tôi biết rất rõ. Ảnh có sẵn trong tay tờ báo, và chính ảnh đã giật dây vụ vu khống phỉ báng Ngài Hư Vân, chứ còn ai nữa!

Thím Shu tái mặt, cần nhẫn :

- Mèn đét ơi! Ông đã biết rõ như vậy, mà sao ông còn bày đặt đôi co tranh luận với hắn làm gì?

Chú Shu, chất lưỡi rồi dùng đũa trả lời :

-Tôi nào thích cãi cọ với ai mà chi. Chỉ vì mình nghe người ta lên án sai lầm một bậc chân tu, mình cảm thấy có bốn phận phải trình bày sự thật vậy thôi. Chớ đúng ra đối với bậc chân tu đạo hạnh sáng ngời như Ngài Hư Vân, thì dù có kẻ tăng bóc thối phòng hay có người chà đạp sỉ vả, thì cái đạo đức của Ngài cũng như như không tăng không giảm, không nhờ không sạch gì cả! Biết vậy, nhưng tánh tôi chuộng sự thật, cứ trình bày sự thật, còn thiên hạ tin hay không tin tùy họ!

- Đối với bậc tổ sư thì dĩ nhiên chẳng ai hoạnh hợ gì được rồi! Lo là lo cho phận tép riêu của mình kìa! Anh ngang bướng bày tỏ ý kiến khác hẳn, hẳn chụp mũ, phun nọc độc, xía xói suốt đời, thì mình chịu đời sao cho thấu?

- Minh hả! Minh là thứ vô danh tiểu tốt ở xứ này, nên dẫu ai thương mình cố nâng cái danh mạt hạng của mình lên thì nó cũng không lên được tí nào, còn cầm bằng họ chà đạp đè xuống, nó vốn đã sát mặt đặt đất rồi, cũng không xuống thêm được nữa! Hi! Hi! Không thêm bớt, không dơ sạch, không thơm thúi gì cả mà bà!

Qua lời giải đáp “trót quớt” của đức lang quân, bỗng nhiên thím Shu trực nhận được rằng “cái danh” vốn không có tự tánh, danh đã không thì mũ chụp cũng là không, khen chê, thương ghét... cũng đều như vậy cả. Thấy được điều đó, thím cảm tưởng như đã vượt thoát khỏi sợ hãi, xa lìa được mọi mộng tưởng điên đảo... Thím mỉm cười. Thầm lặng trong lòng thím bỗng nghe rộn rã câu chú đà la ni nổi lên lạnh lốt như một bài ca nhiệm mầu :

“Gate. Gate. Paragate. Parasamgate. Bodhi Svaha.”

Tháng 12.2003

Ghi chú :

** Hòa Thượng Hư Vân (1840-1959) là vị thiền sư lỗi lạc nhất trong lịch sử*

Phật Giáo Trung Hoa cận đại. Ngài xuất gia năm 19 tuổi, thọ cụ túc giới với hòa thượng Diệu Liên, chùa Cổ Sơn, Quảng Châu. Ngài trải qua một thời gian dài tu khổ hạnh trong chốn thâm sơn, kế đó, do sự hướng dẫn của bậc thiện tri thức, Ngài đến núi Thiên Thai, am Long Tuyền thọ pháp với đại sư Dung Cảnh trong vòng bảy năm. Ngài hạ sơn vào năm 36 tuổi, hành cước chiêm bái khắp các đại tùng lâm và thánh tích từ Trung Quốc đến Tây Tạng, Bhutan, Tích Lan, Miến Điện. Đặc biệt trong thời gian này Ngài đã dành hơn 3 năm tam bộ nhất bái từ Phổ Đà sơn đến Ngũ Đài sơn và đã đánh lễ xá lợi Phật tại chùa A Dục Vương, mỗi ngày ba ngàn lạy trong 2 năm trời, tất cả để báo trọng ân sanh thành dưỡng dục. Ngài đã trùng tu hàng trăm ngôi cổ tự, đáng kể nhất là chùa Chúc Thánh, Kê Túc sơn, tổ đình Tào Khê (chùa Nam Hoa), tổ đình Vân Môn (chùa Quang Thái), tổ đình Vân Cư (chùa Chân Như).

Sau khi Hoa lục đã nhuộm đỏ, Ngài vẫn đại hùng đại lực tiếp tục hoằng dương Phật Pháp. Đạo tràng Vân Môn bị kềm kẹp và cô lập, nhưng nhờ tăng chúng tận lực canh tác nên vẫn duy trì nếp sống tịnh vượng khiến cho chánh quyền huyện Khổng Nguyên khó chịu ra lệnh đàn áp. Lực lượng công an tràn vào chùa, chụp mũ phản động tăng chúng rồi bắt giam tra tấn tu sĩ, tịch thu tài sản, ngăn cấm đi lại và hành lễ. Riêng Ngài, dù đã ngoài 111 tuổi mà vẫn bị chúng tra khảo tàn nhẫn, chết đi sống lại bao lần. Cả tháng sau, biến cố này mới lọt ra ngoài, đến tai chư tăng chùa Đại Giác, tỉnh Triết Giang, rồi chuyển ra nước ngoài. Nhờ thế giới tự do lên tiếng, sau ba tháng khủng bố tàn khốc, chánh quyền Bắc Kinh mới ra lệnh lực lượng công an địa phương rút lui. (Trong biến cố này, Sư trụ trì Diệu Vân bị đánh chết, cả chục tăng sĩ bị mất tích, chưa kể số bị trọng thương, gãy tay chân không ít. Chùa lại bị cướp sạch lương thực, tăng sĩ phải vào rừng đốn củi, gánh qua chợ huyện bán để sống còn.)

Hai năm sau, chánh quyền trung ương lại cưỡng bách Ngài ra Bắc Kinh tham dự Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc. Ngài nhất quyết không nhận chức Hội Trưởng, nhưng họ cũng đề cử Ngài cùng đức Đạt Lai Lạt Ma, đức Ban Thiền Lạt Ma làm Hội Trưởng danh dự. Vài tháng sau, Ngài được mời đứng ra hành lễ, thọ nhận 3 bảo vật : xá lợi Phật, bồi diệp tạc kinh và cây bồ đề con do Phái đoàn Phật Giáo Tích Lan trao tặng. Năm sau, chánh quyền lại giải tán Hiệp Hội Phật Giáo, rồi cho thành lập một tổ chức khác hoàn toàn do đảng viên lãnh đạo lấy tên là Liên Hội Phật Giáo Trung Quốc. Vì Ngài công khai viết bài nhận định nhan đề “Biểu tượng tăng đồ trong thời mạt pháp” để chỉ trích âm mưu phá đạo của họ, nên bị cưỡng bách đưa đến Lô Sơn.

Thời gian ngắn sau đó, khi nghe tin đạo tràng Vân Cư bị chiến tranh tàn phá hoang vắng, Ngài đau lòng xin chánh quyền đến đó tu tập nhằm phục hưng chốn này. Ngài chốn gậy, cùng ba đệ tử lần mò leo núi, dựng am tranh, phát hoang trồng trọt tu tập. Không bao lâu, tăng chúng hàng ngàn người ở khắp nơi len lỏi tìm về tu học, cùng lao động sản xuất và phát triển Vân Cư thành một đạo tràng vĩ đại như xưa. Đến năm 1958, chánh quyền trung ương phát động phong trào học tập cải tạo, Ngài bị địa phương mang ra đấu tố, với một danh sách 10 tội trạng như : tham ô, phản động, giả đạo đức... Các đệ tử thân tín của Ngài bị phân tán, Ngài bị biệt giam, và đạo tràng Vân Cư bị lục soát và chiếm đoạt. Lần nữa, nhờ thế giới tự do lên tiếng phản đối, Ngài lại được phóng thích.

Ngài đã an nhiên thị tịch tại Vân Cư vào ngày 13 tháng 8 năm 1959, thọ 120 tuổi.

Huỳnh Trung Chánh

BỒ TÁT ĐƯA THƠ

Hung cầm thơ mẹ trên tay thật lâu, nghe lòng thương yêu tràn ngập, rồi mới từ từ mở ra nghiền ngẫm từng dòng chữ ngọt ngào của mẹ. Mẹ là nhà giáo, chữ viết của bà đều đặn mẫu mực mà vẫn mang nét éo lả mềm mại dịu hiền của người đàn bà Đông phương thuần hậu. Bà thường gói ghém tình thương của mình vồn vện trong hai trang giấy, nâng niu gởi đến con những lời thăm hỏi sức khỏe, nhắc nhở con gìn giữ đạo đức gia phong, khuyên con nhớ đi chùa lễ Phật, bà tuyệt nhiên chẳng bao giờ kể lể những chuyện thị phi, chuyện làng trên xóm dưới, cũng không bao giờ đòi hỏi con cung cấp tiền bạc. Ngay trường hợp lâm bệnh thành linh, tiền bạc eo hẹp bà vẫn lẳng lặng chịu đựng chớ chẳng hề thở than khiến con cái phải bận tâm lo lắng. Dầu biết nội dung thơ cũ rích nhưng chàng vẫn nôn nóng mở thơ, đọc những dòng chữ thương yêu của mẹ, để đón nhận tình mẫu tử dạt dào vượt qua bờ đại dương sang ấp ủ chàng. Ngờ đâu lần này thơ bà có vẻ khác thường, chẳng những dài đến bốn trang, mà cũng không có những cụm từ thương nhớ dạn dò thường nhật. Thơ viết :

“Con thương!

Dạo này, bỗng nhiên mẹ hay vớ vẩn nhớ nghĩ mông lung về thời còn bé bỏng

xa xưa, nhớ tha thiết chuỗi ngày ở ọ trong vòng tay ông bà ngoại, tại ngôi nhà ngói âm dương, vách ván, tọa lạc cạnh dòng sông Dinh thơ mộng, thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ở đó, tháng nào vào ngày mười bốn và ba mươi, mẹ thường được ngoại dẫn đi chùa Giác Hải, nơi mà mẹ đã được hòa thượng Tâm Thành quy y từ thuở mới lên năm. Ngoại đã đưa gia đình rời Bố Trạch vào Saigon sinh sống từ năm 1954, khi mẹ mới vừa tròn bảy tuổi, nên quê hương mà mẹ thương mẹ nhớ có thể nói chính là ngõ hẻm chợ Vườn Chuối, là quận ba với các con đường Phan đình Phùng, Cao Thắng..., mẹ chẳng hiểu biết gì về nơi chôn nhau cắt rún tại vùng đất Quảng Bình khô cằn xa xưa ấy. Do đó, khi tham dự chuyến hành hương thập tự tại các thị xã Huế – Đà Nẵng do nhóm “Phật tử lão niên” chùa Ấn Quang tổ chức, tuy mẹ đã đọc kỹ chương trình thấy có tiết mục ngoạn cảnh động Phong Nha, một kỳ quan của đất nước thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, mà mẹ vẫn vô tình chẳng mấy may liên tưởng gì đến nơi chôn nhau cắt rún của mình. Mãi đến khi theo phái đoàn chiêm bái chùa Thiên Mục, trầm lặng nhìn dòng Hương Giang, bỗng nhiên ký ức thuở ấu thời bất thành linh hiện về khiến mẹ nôn nao nhớ đến ngôi chùa Giác Hải êm đềm. Chùa ấy cũng soi bóng trên một dòng sông - sông Dinh -, một dòng sông thơ mộng chẳng kém Hương giang là mấy. Thật ra, vào ngày xưa đó mẹ ngây thơ khờ khạo nào có hiểu biết gì về chùa, về đạo, nhưng những trái chuối, chén chè, nắm xôi... mà quý thầy nâng niu trao cho “con bé mũm mĩm” là những hình ảnh gợi thương gợi nhớ đã bùng dậy mãnh liệt khiến mẹ xúc động nghẹn ngào. Từ đó, mẹ thấp thỏm ăn ngủ không yên, ước mong có cơ hội ngắm nhìn lại ngôi chùa ngày xưa. Sáng hôm sau, trong khi chuẩn bị theo đoàn hành hương xuống thuyền máy tiến vào động Phong Nha, mẹ bỗng đổi ý, bỏ chuyến du ngoạn, âm thầm thuê chiếc xe ôm, tìm đường về đến chùa Giác Hải. Thật khó tưởng tượng, cái gọi là ngôi chùa, chỉ là một ngôi nhà lá lợp

xụp nép mình thoi thóp trên mảnh đất hoang phế khô cằn. Chùa vắng tanh, lạnh lẽo. Tim mẹ quặn thắt xót xa. Mẹ thỉnh chuông và thắp nhang lễ Phật. Một ngôi tượng cô đơn, hư hoại loang lổ, bị phế bỏ lãng quên bao tháng năm dài vẫn khắc khổ chịu đựng và vẫn an nhiên hiện hữu ở chốn này. Chiêm ngưỡng tượng Phật, mẹ chìm đắm trong suy tư mệnh mang quên mất cả thời gian không gian, hốt nhiên mẹ cảm thấy tượng Phật sống động hẳn lên, Phật trao cho mẹ nụ cười thanh thoát. Thì ra, trong hoàn cảnh nào, thời điểm nào Phật vẫn hiện hữu như như tự tại ban phát lòng từ bi vô lượng cho chúng sanh các loài, cho mẹ. Nước mắt ràn rụa, niềm xúc động ngập tràn nghẹn ngào, rồi trong giây phút thiêng liêng đó, mẹ chợt ý thức trách nhiệm của mình với ngôi chùa năm xưa, nên thành tâm phát nguyện sẽ xả thân mình để bảo trợ cho việc trùng tu đạo tràng này.

Sau giây phút bốc đồng phát nguyện, mẹ mới giựt mình suy nghĩ lại và nhận thấy rằng lời nguyện đó viễn vông không phương cách nào thực hiện nổi. Ôi! Một mình mẹ làm sao đảm đương nổi trọng trách này! Mẹ có uy tín gì để kêu gọi quyên góp, mẹ quen biết bao nhiêu người đâu? Mẹ lại chẳng quen thuộc chốn này? Chẳng biết chùa do cá nhân hay cơ quan nào quản lý? Vị trụ trì là ai? có đạo tâm không? Mẹ đang phân vân tự hỏi mình thì có vị sư trẻ hấp tấp bước vào chùa. Sư ngạc nhiên trước người khách lạ, và tỏ ra ái ngại về sự lơ là chậm tiếp đón khách phương xa. Sư cho biết, thật ra, sư có nghe tiếng chuông nhưng tưởng rằng người Phật tử địa phương đến công quả lễ bái, và vì đang bận rộn chăm sóc mấy luống khoai sắn vừa bén rễ ở sau chùa, nên ráng lo cho xong việc mới vào. Thái độ ân cần lịch thiệp, và uy nghi đĩnh đạc của sư cũng khiến mẹ ngạc nhiên không kém.

- Xin lỗi, dường như thầy không phải là dân địa phương?, mẹ dò hỏi.

- Kể ra thì tôi chỉ có chút xíu gốc gác Quảng Bình mà thôi. Nguyên ông cố nội tôi, là người làng Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tổ đơn thân rời quê vào

Nam lập nghiệp tại tỉnh Bình Dương từ thời Pháp thuộc, con cháu sau này chỉ nghe nhắc nhở tên ngôi làng tổ tiên, chứ chẳng ai biết được điều gì khác cả. Tôi sanh trưởng tại Thủ Đức, xuất gia tại chùa Vạn Đức, và chỉ được thầy gởi đi tu học các Phật học Viện miền Nam, nên địa phương này cũng xa lạ lắm. Tôi vân du lang thang đây đó, rồi quyết định dừng chân ở chốn này chưa tròn một năm, đạo hữu ạ!

Tình cờ gặp một tu sĩ miền Nam tại xứ lạ, lòng mẹ nổi lên niềm vui như tìm được người bà con thân thuộc, mẹ tíu tít : “Thảo nào, tôi thấy phong thái của thầy khác hẳn với những tu sĩ miền này! Lạ quá...!” Mẹ thật thà định hỏi : “ Sao thầy không chọn thị tứ nào phồn thịnh để dựng chùa, mà lại thua thiệt chui vào chốn khi ho cò gáy đói rách như thế này?”, nhưng mẹ ngưng lại kịp, nên ơ..ơ kéo dài rồi lên tiếng : “ O! miền đất này khô cằn đá sỏi! Thầy lại là người Nam cô đơn, không thầy bạn, không thân nhân thì làm sao mà có thể sống nổi ở chốn này?”

Thầy mỉm cười hỷ xả đáp :

- Kể ra nếu đặt vấn đề “sanh sống làm ăn” thì quả thật muốn sống còn ở đây cũng gian nan lắm, nhưng nếu nghĩ đến chuyện tu tập thì nơi nào cũng tốt, nơi nào chẳng là đạo tràng phải không đạo hữu?

- O! Nhưng chắc phải có duyên có gì đặc biệt lắm thầy mới “trụ” ở đây chứ?

Thầy ngáp ngừng, trầm ngâm khá lâu mới chậm rãi lên tiếng :

- Chuyện dài dòng và cũng có thể nói là lạ lùng hy hữu, nếu đạo hữu tò mò thì tôi cũng sẵn lòng kể rõ.

- Dĩ nhiên, là con tò mò lắm rồi!

Thầy mỉm cười :

- Đúng như đạo hữu đã biết, nếu không do nghiệp duyên chiêu cảm, nếu không được long thần hộ pháp dắt dẫn, thì chắc hẳn tôi đã không đến chốn

này. Chuyện khởi đầu, là vào mùa kiết hạ năm trước, bỗng dưng tôi lại nảy ý xin an cư tại chùa Trúc Lâm, Huế. Khi lễ hòa thượng bốn sư xin phép lên đường, hòa thượng đang lơ đãng, đang đưa chiếc võng bỗng cất tiếng bâng quơ : “ Gặp Phật lễ Phật, gặp tổ lễ tổ!”. Chẳng biết đó là nói vô tình hay một lời dẫn dò cho riêng tôi như một thử công án nào chăng? Tôi ngơ ngợ câu nói có nét tương tự như công án “Gặp Phật giết Phật gặp tổ giết tổ” của thiền tông, nhưng chưa kịp thỉnh ý thì bốn sư lại vui vẻ chỉ mô hình chùa Vạn Linh, núi Cẩm, Châu Đốc rồi nói tiếp : “Khi cần, khi gặp thuận duyên thì mình cũng nên phục hưng sự nghiệp của chư tổ! Con ạ!”. Thầy đưa tay tiễn khách, tôi ra đi với nỗi niềm thắc mắc giăng giăng. Mùa kiết hạ sắp hoàn mãn, liên tiếp ba đêm cuối cùng tại chùa Trúc Lâm tôi đều chiêm bao thấy rõ rệt Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện đến khuyên bảo : “Con hãy mau mau về Bồ Trạch làm Phật sự để hoàn thành lời phát nguyện của con từ kiếp trước!” Tôi vốn không tin mộng mị, nhưng giấc chiêm bao cứ hiển hiện rõ ràng trong tâm khảm, khiến tôi cũng phân vân. Do đó, khi khóa hạ chấm dứt, thay vì trở về Thủ Đức như dự tính, tôi thuê chiếc xe đạp dun rui về phương Bắc, với túi lương khô dự phòng. Rồi Huế, một thị xã sùng đạo, đến Quảng Trị, tôi nhận thấy sinh hoạt Phật giáo tương đối đã suy yếu, rồi khi bước vào địa phận tỉnh Quảng Bình, tôi mới choáng váng khám phá rằng đạo Phật ở đây có lẽ đã biến dạng tự bao giờ. Dường như, phần đông dân địa phương chưa hề thấy bóng dáng chùa chiền, họ nhìn lũ khách áo lam với ánh mắt xa lạ, vừa nghi ngại, vừa lạnh lùng. Tôi viếng thăm các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, Phong Lộc, Bồ Trạch, tỉnh lỵ Đồng Hới, với tâm trạng hừng hờ chưa xót. Một hôm, tôi đang ngồi thọ thực lương khô dưới bóng cây bên đường quê, ngoại ô thị trấn Hoàn Lão, bỗng có một gã trung niên sòng sọc bước tới, hẩn chăm chăm nhìn tôi oang oang cất tiếng : “Này anh! Anh làm nghề sư hử!?”. Tưởng gặp phải công an, và bị đặt vấn đề

hành đạo trái phép, tôi dè dặt đáp : “Đúng vậy, tôi là tu sĩ ở thành phố Hồ chí Minh. Tôi chỉ du lịch tỉnh Quảng Bình vài ngày mà thôi”. “Ừ! Vậy thì anh phải đi theo tôi mới được!”. Thấy tôi ngần ngừ, anh ta nắm áo tôi nói một hơi : “Nội tui! Tuổi già cú đế rồi! Ông bệnh liệt giường gần ngủm tới nơi mà lại sanh tật nhứt định đòi phải gặp sư thầy thì mới chịu chết! Tôi hỏi thăm lung tung chẳng ai biết, may tôi thấy anh mặc áo kỳ lạ này, hỏi nhóng chừng, dè đâu lại đúng! Vậy anh theo tui đi gặp ông nghen!”. Nghĩ đến nguyện vọng tha thiết của người sắp chết, nên dù trong lòng vẫn e ngại gặp rắc rối bởi luật lệ “tự do tôn giáo”, tôi vẫn lót lót bước theo anh ta. Cụ Năm, lão già bệnh hoạn tuổi đã ngoài 90, đang nhắm mắt nằm im lìm dán xuống giường như một cái xác khô đét, quay quần bởi đám con cháu vài mươi người, vừa nghe báo cáo tìm được nhà sư, bỗng mở choàng đôi mắt tinh anh nhấp nháy ra dấu mời tôi tới gần. Tôi lên tiếng : “Tôi xin tụng một thời kinh cầu an! Cụ nhé!”. Cụ không trả lời, mắt đăm đăm nhìn tôi, rồi bỗng chắp tay kính cẩn : “Con cảm tạ Bồ Tát!” Tôi hoảng hốt đĩnh chánh : Tôi chỉ là một tu sĩ tầm thường, xin cụ gọi tôi là sư chú được rồi!”. Cụ thều thào : “Thầy là Thanh Phong phải không?”. Tôi ngạc nhiên lặng người, đáp lí nhí : “Pháp danh tôi là Hoàng Nghiệp, còn Thanh Phong chỉ là bút hiệu khi còn trẻ! Sao cụ biết?” Ông cụ cười, mà nước mắt cụ ràn rụa - trông ông cụ khỏe và tươi tỉnh hẳn ra – cụ không màn lý sự với tôi, chắp tay kính cẩn : “Con cảm tạ Đức Bồ Tát Quan Âm đã đáp ứng nguyện cầu của con, đã dẫn dắt thầy Hoàng Nghiệp đến gặp con trong giờ phút tối hậu này!...”, rồi hướng mắt sang tôi, cụ nói tiếp : “Bồ Tát Quán Âm đã báo mộng cho tôi về thầy. Thầy ạ! Tôi có tâm nguyện cru mang bao năm nay không giải bày cùng ai được, nên dầu bệnh hoạn già yếu khổ sở mà vẫn gắng gượng sống lây lất cho đến giờ này. Nay Bồ Tát đã dẫn dắt thầy hiện diện đúng lúc cho tôi có thể ủy thác tâm nguyện của mình. Tôi thỉnh cầu thầy hứa khả việc này

hầu tôi có thể yên tâm nhắm mắt lìa đời!”. Tôi ngần ngại : “Miễn là việc cụ nhờ không trái đạo lý và không vượt quá khả năng của tôi, thì tôi sẽ cố sức mình hoàn thành tâm nguyện cho cụ!”. Cụ trầm ngâm giây phút rồi kể lể : “Bốn mươi năm về trước, hoàn cảnh tu tập vô cùng khó khăn. Chùa chiền bị theo dõi, Phật tử tránh né chẳng ai dám lai vãng. Rồi sư ông Giác Hải bị gán tội phản động, gởi đi học tập, ngôi chùa bị xâm chiếm biến thành trụ sở ủy ban nhân dân, tượng Phật, tượng Tổ bị vất ra ngoài hè chờ ngày họp dân lại đập phá. Thương thầy, thương chùa, mến đạo... tôi đón đau tột cùng nhưng bề ngoài vẫn giữ thái độ vô tâm, ngay đối với vợ con cũng dè dặt chẳng hé môi than thở. Một hôm, có người bạn nói khó, cùng đi chùa lễ Phật với tôi từ xưa, đang phục vụ trong quân đội nhân dân, mang quân hàm đại úy thuộc sư đoàn 19 đóng tại Thanh Hóa nghe tin sư ông lâm nạn trở về làng tìm hiểu sự tình. Anh gặp tôi dò hỏi, lúc đầu tôi lừng lờ “không thấy, không nghe, không biết”, nhưng anh cứ vặn hỏi mãi nên sau cùng đành tiết lộ hết sự thật. Dựa vào quân hàm, anh ta mạo hiểm tìm đến trại cải tạo thăm nuôi sư ông. Trở về, anh cho biết, sư ông già yếu khó sống sót, sư ông trần trời ủy thác chúng tôi bảo vệ tôn tượng chờ ngày trùng tu chùa, hưng long đạo pháp, ngoài ra, sư ông cũng tha thiết dặn dò chúng tôi rằng trong hoàn cảnh Phật Pháp bị cấm đoán hủy hoại như thế nào, chúng tôi cũng phải gắng sức thâm giữ lục tự Di Đà trong lòng. Mấy ngày sau đó, trời đổ giông, mưa cuộn cuộn như thác đổ, cơ nguy lũ lụt sắp diễn ra. Lợi dụng tình trạng cán bộ các ngành nhón nháo lo bảo vệ nhà cửa vợ con họ, trụ sở ủy ban nhân dân bỏ ngõ, chúng tôi lên vào mang tượng Phật, tượng tổ xuống xuôi chớ đi. Bơi lang thang khá lâu mà chẳng tìm được địa điểm nào an toàn để cất dấu, cuối cùng tôi đành bặm gan mang về nhà, khoét một ngách sâu dưới ao, bọc tượng bằng vải áo mưa, vùi vào đó. Vài tháng sau sư ông qua đời, anh Thanh Phong bạn tôi bị chính ủy trung đoàn kiểm thảo về vụ

thăm nuôi sư ông, đoạn bị đưa vào Nam công tác rồi tử trận vài năm sau đó. Trong mấy chục năm nay, lời dặn dò của sư ông Giác Hải tôi vẫn canh cánh bên lòng, nhưng tôi chỉ có thể chuyên cần niệm Phật ngày đêm, còn chuyện trùng tu lại ngôi chùa xưa thì hoàn toàn vô vọng : Tôi chẳng biết tiến hành cách nào? Bàn bạc với ai đây? Khi đất nước vừa thống nhất, lợi dụng lúc đi thăm đưa con đang công tác tại thành phố Hồ chí Minh, tôi có viếng vài ngôi chùa, tiếp xúc vài tu sĩ, hy vọng tìm được người có thể đảm trách công việc trùng tu, nhưng họ tỏ vẻ sợ sệt nghi ngại, nên tôi đành im lặng. Thế rồi, tôi chỉ biết ngày đêm niệm Phật A Di Đà và chỉ thành khẩn cầu Bồ Tát Quan Âm gia bị cho công cuộc trùng tu chùa Giác Hải, và nhiều lần, trong chiêm bao tôi đã được Bồ Tát an ủi và khuyên bảo hãy bình tĩnh đợi chờ Thanh Phong trở lại gánh vác trọng trách này...” Ngay khi ông cụ kể đến giai đoạn dầm mưa bão mang tượng đem đi dấu, tôi bỗng nhiên thấy hyễn hiện trước mắt tôi diễn biến của tiền kiếp với từng chi tiết nhỏ, và hiểu rõ Thanh Phong ngày đó chính là tôi chứ chẳng là ai khác. Thảo nào, thuở nhỏ, tôi có niềm thích thú đặc biệt với hai tự Thanh Phong nên mới đặc ý chọn làm bút hiệu của mình. Chẳng chút ngần ngại tôi đáp: “Thanh Phong đã trở lại, dĩ nhiên là Thanh Phong sẽ nhận lãnh trách nhiệm. Thanh Phong sẽ xả thân này để trùng tu lại chùa Giác Hải, xin người bạn năm xưa hãy vững tâm”. “Đa tạ Thanh Phong! Có thể nào Thanh Phong cho tôi nhìn lại pho tượng Phật ngày xưa, trước khi lìa đời chăng?”. Không cần ai chỉ dẫn, tôi vội vã đưa đám thanh niên con cháu chủ nhà ra bờ ao, dưới gốc sung, nhờ họ đào sâu chừng hai thước đã khám phá ngay bảo vật trong lớp vải bọc mục nát, nhưng hai pho tượng bằng gỗ mít, chỉ bị phai màu, và lốm đốm loang lổ mà thôi. “Gặp Phật lễ Phật, gặp tổ lễ tổ”, tôi quỳ xuống đánh lễ rồi cung thỉnh tượng vào nhà cho cụ già gia chủ chiêm ngưỡng. Cụ Năm được đỡ ngồi tựa vào gối, rạng rỡ ngắm tượng. Cụ yêu cầu tôi tụng thời kinh Di Đà, sau đó

tôi hộ niệm cụ Niệm Phật. Tiếng niệm Phật của cụ nhỏ dần, nhỏ dần, rồi lặng yên. Cụ ra đi thanh thản, mặt mày tươi tỉnh, và cho đến khi tắt liệm, đỉnh đầu vẫn ấm áp, thân thể vẫn mềm dịu. Tôi tin chắc rằng cụ đã vãng sanh về cõi Tây phương Cực Lạc. Nhờ đám con cháu cụ, có người đang giữ chức vụ quan trọng trên tỉnh, và huyện vận động, và cũng nhờ chánh sách chiêu dụ du khách về thăm động Phong Nha, nên khuôn viên chùa xưa được hoàn trả lại, và mười tháng sau thì ngôi chùa lá đơn sơ đã được dựng nên...

- Phật tử ở đây có lẽ chẳng mấy người mộ đạo phải không thầy? Chắc họ cúng dường tẻ lắm, nên cả năm mà thầy chỉ dựng được mái lá sập xệ như vậy?

- Thật ra, phần lớn tài chánh dựng ngôi chùa tạm này là do con cháu cụ Năm yểm trợ, còn dân chúng quanh đây nghèo kiệt xác, mình đâu mong họ cúng dường, chỉ mong họ thỉnh thoảng lai vãng tới chùa để tụng kinh, nghe pháp... nuôi dưỡng đạo tâm mà thôi. Đạo hữu biết không? Đã quá nhiều năm xa vắng đạo pháp nên họ đã mất niềm tin, họ nghi ngờ băng quơ, lo ngại tốn kém nên mời họ đến chùa gian nan lắm! Họ viện dẫn đủ mọi lý do để từ chối. Tôi phải thực hành tứ nhiếp pháp, thăm nom săn sóc họ khi ốm đau, tặng họ viên thuốc cảm, một cục xà bông... tôi cũng theo họ ra đồng chuyện trò vừa tiện tay giúp họ nhổ cỏ, cấy lúa... nên dần dần tạo được mối tình thân rồi mới hướng dẫn Phật Pháp cho họ được. Hiện giờ, vào ngày lễ sám hối nào cũng có hơn hai mươi người tham dự, trong đó có một thanh niên vừa ngộ ý xin xuất gia vào mùa Phật đản sắp tới.

- Thầy có dự định xây chùa lại cho khang trang không thầy?

- Chuyện trùng tu là sở nguyện của thầy, nhưng hiện giờ thầy chưa dám nghĩ tới. Có hai chuyện thiết thực mà thầy muốn hoàn thành trước. Trước nhất là cần có một đại hồng chung. Tiếng chuông ngân bâng bạc khắp thôn

làng, sẽ đi sâu vào lòng người và khơi dậy hạt giống Phật trong tàng thức họ. Điểm thứ hai là thầy mong hội đủ tịnh tài hàng tháng tổ chức cơm chay vào hai ngày lễ sám hối, mời Phật tử tham dự miễn phí tạo cho họ cơ hội gần gũi với chùa, với Phật...

Thầy trò thân mật bàn bạc đông dài cho đến xế trưa, người tài xế xe ôm đứng giờ hẹn rước mẹ về tỉnh lỵ đã lấp ló ngoài cổng, mà mẹ vẫn quyến luyến chưa muốn rời chùa. Thầy biết ý mẹ nên mời mẹ và cả người tài xế ở lại dùng cơm. Thầy lui húi nhúm lửa, vo gạo nấu cơm, rồi ra sau sau chùa, hái ớt bí, ớt lang vào luộc. Mẹ vừa ái ngại vừa xót xa, tội nghiệp hoàn cảnh đơn chiết cực nhọc của thầy, muốn đỡ đần thầy một tay, nhưng cái bếp “hẹp té”, chẳng có chỗ chen vào thành thử chẳng có cách nào tiếp giúp cả. Có lẽ, hiểu bụng dạ của mẹ, thầy cười hề hà trấn an :

- Nấu cơm là chuyện bình thường của thầy mà, đừng ngại. Thầy vẫn thường nấu cơm mời người dân quê ăn cơm chùa với thầy cho vui! Ở nước Chúng Hương Đức Phật và chư Bồ Tát cũng mời Phật tử ăn cơm, quý Ngài thuyết pháp bằng thức ăn rất hiệu quả, đạo hữu ạ!

- Thưa thầy! Con hiểu ý thầy rồi! con sẽ ăn bữa cơm tịnh thức, lợi lạc như nghe pháp vậy!

Bữa cơm thanh đạm, nhưng có lẽ đây là buổi cơm chay ngon nhất đời của mẹ, vì tất cả các món ăn : cơm, ớt bí, ớt lang, tương hột, cà pháo muối dưa đều đượm nhuần một hương vị đậm đà đặc biệt mà ít khi mẹ có phúc duyên cảm nhận : đó là đạo vị.

Khi chia tay ra về, mẹ quyến luyến chào thầy, và chân thành nói :

- Thưa thầy! Con cũng có liên hệ đến ngôi chùa Giác Hải ngày xưa, con nguyện tích cực góp phần trùng tu chùa. Khi về thành phố con sẽ vận động thân hữu yểm trợ việc đúc chuông và tịnh tài cho phần cơm chay hàng tháng tại chùa. Con hy vọng sẽ sớm liên lạc với thầy báo cáo kết quả.

Mẹ vét hết tiền mang theo, sau khi giữ lại vừa đủ phần tiền trả chuyển xe ôm, được năm trăm ngàn đồng, trao hết cho thầy :

- Còn tạm thời con xin cúng dường thầy số tiền mọn này!

Thầy lắc đầu :

- Thầy rất tán thán công đức của đạo hữu! Tuy nhiên, vì số tiền tương đối lớn thầy khuyên đạo hữu nên suy kỹ lại, đừng do xúc động nhất thời trước cảnh chùa nghèo xác xơ mà cúng quá sức. Nếu vì cúng dường mà tạo ra những khó khăn tiền bạc cho gia đình thì nên bớt lại, cúng dường vừa phải thôi!

Mẹ hơi ngạc nhiên, và hơi bất mãn vì chưa bao giờ gặp trường hợp “quá dè dặt” như thế này, có lẽ thầy nghi tiền này lai lịch bất chính chăng? Mẹ đáp nhanh :

- Con không bốc đồng đâu thầy! Con đã suy nghĩ rất kỹ và cúng dường theo khả năng của gia đình con! Nếu thầy nghi ngại lai lịch tiền thì con xin thưa rõ đây là tiền rất sạch do nghề nghiệp chân chánh làm ra! Con xin thầy yên tâm nhận cho!

- Xin đạo hữu đừng hiểu lầm! Chẳng qua vì Đức Phật dạy tu sĩ chỉ nhận cúng dường vừa phải như loài ong hút nhụy mà không làm phương hại đến hoa. Do đó, dầu chùa nghèo và cần tiền, thầy cũng không nỡ gây phiền toái cho những Phật tử hảo tâm có thể lâm vào cảnh khó khăn chật vật vì cúng dường mà thôi!

Về thành phố, khi nghe mẹ kể lại hành hoạt của vị tu sĩ trẻ giàu lòng từ bi, chấp nhận nếp sống cô đơn, đói rách tại một ngôi chùa lá tồi tệ để hoằng dương Phật Pháp, các thân hữu ai cũng xúc động, và ai cũng sẵn sàng đóng góp ít nhiều cho chùa Giác Hải. Tuy nhiên, giới thân hữu của mẹ toàn là các nhà giáo hưu trí, phần lớn sống cảnh chật vật gói ghém ăn tiêu, nên dù họ có mở rộng cõi lòng, chung sức gom lại cũng không đáng kể. Mới hôm qua

đây, thầy Hoằng Nghiệp có thông báo mẹ rằng pháp huynh của thầy, trụ trì một ngôi chùa tại Tiền Giang, vừa ủng hộ chùa Giác Hải đại hồng chung cũ, vì chùa này vừa đúc một đại hồng chung mới lớn hơn. Như vậy, số tiền quyên góp của mẹ tuy ít ỏi nhưng đã dư thừa cho thầy Hoằng Nghiệp tổ chức cơm chay cả năm rồi.

Mối ưu tư lớn của mẹ, là yểm trợ thầy Hoằng Nghiệp xây dựng lại ngôi chùa nếu không khang trang, thì tệ nhất cũng lợp mái ngói, lót gạch, có kệ thờ, chuông mõ, kinh sách... như thuở xưa. Mà muốn được như thế, thì tiền tặn lăm cũng phải có một ngân khoản từ mười đến hai mươi ngàn dollars. Số tiền này dân quê Quảng Bình đào bới đâu cho ra, còn mẹ đâu có đi ăn xin trọn kiếp cũng chẳng thấm tháp gì! Khi mẹ bạo gan phát nguyện với Phật tổ, thì mẹ đã nghĩ đến con rồi. Hưng ơi! Con ráng giúp mẹ nhen con!

...

Hưng xúc động bồi hồi, thương mẹ thật là thương! Mẹ chưa bao giờ đòi hỏi con cái điều gì, nay bà đã lâm vào hoàn bất đắc dĩ phải lên tiếng cầu cứu như thế này, có lẽ cũng khổ tâm lắm. Hưng hiểu rằng mẹ rất thiết tha và mong đợi từng giờ từng phút tin mình, do đó, tuy chẳng mấy hứng thú với việc xây dựng chùa chiền, hoằng pháp, quyên góp cúng dường..., Hưng vẫn tức tốc gửi điện thư về cho mẹ, chàng bảo đảm sẽ có đủ ngân khoản cho việc trùng tu chùa trong vòng vài tháng nữa.

Sau khi hăng hái hứa hẹn mạnh dạn cho mẹ yên tâm, đến lúc bắt đầu suy nghĩ hoạch định chương trình hành động, Hưng mới chơi với chẳng biết phải làm cách nào cho ổn. Thỉnh thoảng, khi không tránh né được, Hưng buộc lòng đóng góp linh tinh cho chùa chiền, nhưng đích thân lập danh sách lạc quyên thì chàng hoàn toàn chưa kinh nghiệm. Chàng đành tìm đến cụ Sáu, bác gia trưởng Gia Đình Phật tử ngôi chùa địa phương áp úng xin vãn kế. Sau khi nghe Hưng kể chuyện về vị tu sĩ trẻ miền Nam theo tiếng gọi của

tiền kiếp đến vùng quê Quảng Bình dựng mái chùa lá hoằng pháp, bác Sáu cảm động cất tiếng tán thán :

- Hy hữu! Hy hữu! Đúng là chùa đất Phật vàng, chùa nghèo tỳ kheo đức hạnh! Thực tế là như vậy đó chú em ạ!

Tuy nhiên, khi Hưng “gạ” bác chủ trì việc lập danh sách bảo trợ thì bác từ chối quyết liệt, mời làm cố vấn bác cũng quây quậy lắc đầu : “Khó lắm! Khó lắm!”, rồi trầm ngâm khá lâu, bác mới ôn tồn giải thích :

- Mấy năm nay tại Âu Mỹ, chùa chiền mọc nhiều như nấm, mà chùa nào cũng xây dựng vĩ đại trị giá cả triệu triệu dollars và đã thường xuyên thông thiết kêu gọi Phật tử đóng góp, nên họ đã mõi mòn lắm rồi. Do đó, tuy số tiền hai mươi ngàn dollars đối với bên này chỉ là một khoảng tiền bé nhỏ, nó chưa đủ chi phí để tráng xi măng cho bãi đậu xe của một ngôi chùa bình thường, huống hồ gì là một ngôi chùa nguy nga đồ sộ, nhưng muốn lạc duyên được số tiền nhỏ này đâu có dễ dàng. Thời buổi này muốn vơ vét tiền thiên hạ, nẻo chánh là phải do các bậc đại tôn sư, danh tiếng vang rền, trong buổi họp mặt đông đủ những nhân vật tiếng tăm, đích thân kêu gọi thì mới hiệu nghiệm, còn lấp lửng đường tà thì phải có hơi hướm thần bí linh thiêng, có bùa chú vẽ rồng vẽ rắn để chữa bệnh, cầu tài, mua may, bán đất thì mới ăn khách. Xem ra, lục đục thường tài như chú em dẫu có đi mõi mòn mấy đôi giày, nói sùi bọt mép thì giỏi lắm góp nhóp được vài ngàn đô là tận cùng rồi!

Thấy Hưng lộ vẻ chán nản, bác Sáu an ủi :

- Tôi phân tách cho chú em nghe chơi nhằm nhắc nhở chú em hiểu đó là chuyện khó khăn vậy thôi. Phần chú em, chú em phải can đảm đứng ra gánh vác việc lạc duyên này chứ! Mình lo cho chùa mà, miễn là vận dụng hết sức mình là đủ, kết quả không thành vấn đề, được bao nhiêu cũng quý giá cả! Phần tôi, tôi sẵn sàng cúng dường một trăm đô đây, xin chú cầm lấy!

Thực trạng còn tệ hơn bác Sáu đã dự đoán. Hưng viết thư ngỏ trên mạng

lưới, gửi điện thư vi vút, điện thoại lia lịa, rồi bèn chí đi gõ cửa khắp nơi, bắt chặp quen lạ hơn hai tháng trời, mà chỉ gom góp được một ngàn năm trăm đồng. Bí lối, chàng phải “quyền biến” xử dụng vài tấm ảnh chụp hình trại cùi, trại tế bần, trại cô nhi... rồi mở “chiến dịch tình thương” lạc quyền tiền cứu trợ. Phương pháp này “ăn khách” với người Việt lẫn dân địa phương nên có mời khảm khá. Trong vòng một tháng chàng đã kiếm kê được gần bốn ngàn đồng, nhưng “nguồn tài nguyên” khai thác cũng sắp cạn rồi. Trong thâm tâm, Hưng muốn xuất tiền túi, bù thêm cho đủ mười ngàn gửi về Việt Nam cho tròn lời hứa với mẹ, nhưng bà xã chàng vừa nghe chồng “nói bóng gió xa gần” đã dấy “đong đong” như đĩa chạm phải vôi, rồi hét toáng lên :
- Ôi trời! Bộ anh điên hả! Tiền bạc không dám ăn xài, lại đòi đem đi vất ngoài cửa sổ! Lan nói cho anh liệu đấy nhé! Một trăm đồng Lan cũng không đồng ý nữa, anh đừng mơ mộng bạc ngàn! Anh mà đụng tới tiền tiết kiệm hả, thì mạnh đường ai nấy đi đó!

Dĩ nhiên là Hưng không đủ can đảm chọn “con đường tự do”, chàng thua buồn ủ rũ, cố gắng tìm một giải pháp nào khác để khỏi thất hứa với mẹ, nhưng càng suy nghĩ càng thấy vô vọng. Tối hôm đó, Hưng vô tình nghe một chuyên viên tài chánh, bạn của bà xã, điện thoại gạ gẫm nài đầu tư vào thị trường chứng khoán. Vụ gạ gẫm này chẳng đi đến đâu, bởi lẽ, dù cô chuyên viên tài chánh tài ba kia chiêu dụ cách nào, vẽ vờ viễn ảnh giàu sang như chớp ra sao, cũng không thể khiến cho vợ chàng, một chuyên viên thượng thặng chuyên bảo vệ kết sắt, động lòng nhả ra xu nào đầu tư cả. Thế nhưng, cuộc đối thoại đó lại ảnh hưởng đến chàng. Hưng nghe ngóng nhóm công ty liên hệ đến mạng lưới đang lên nên liền lĩnh mang tất cả số tiền lạc quyền được, âm thầm mua chứng khoán XYZ một hãng hoạt động về mạng lưới. May mắn làm sao là chỉ trong vòng hai tháng, chứng khoán đó lên vù vù, vốn lời đến hai mươi tám ngàn, khiến chàng thích chí quá chẳng muốn

bán ra tí nào, nếu không có thơ mẹ thúc hối. Hú hồn hú vía, chỉ mấy ngày sau đó thị trường chứng khoán nói chung bỗng tuột dốc thê thảm, riêng XYZ thì tụt như chiếc dù đứt dây rơi vùn vụt, từ hai trăm nhảy xuống một trăm, rồi rớt mãi tới mức hai mươi đồng mới tạm đu đưa ở đó. Ôi! nếu chàng chậm chạp thì giờ đây chắc có mức độ thỏ trồn biệt tằm biệt tích, chớ tiền bạc của thiên hạ đóng góp lỗ thua lỗ hết thì biết làm sao giải thích ổn thỏa cho mẹ, cho bạn bè hiểu thấu. Kết toán vụ đầu tư chứng khoán đầy lợi lạc, Hưng giữ lại phần tiền dự trữ trả thuế, cộng với hai ngàn lộ phí, vẫn còn lại trên hai mươi ngàn cho việc trùng tu chùa. Hưng gửi điện thư thông báo cho mẹ thành quả lạc quyền, hẹn sẽ mang tiền về nước vào một ngày rất gần. Sau khi chuẩn bị tinh thần thật kỹ, Hưng ung dung về nhà, khui lon bia, nhắm nhấp lai rai, ngời rung đùi cười khà khà khoe vợ :

- Hên quá xá là hên! em ơi! Sáng nay thằng Bob giới thiệu cho anh một lão cựu chiến binh Mỹ đã từng chiến đấu tại Việt Nam tánh khí rất lạ đời. Lão vừa nghe anh tả oán cảnh chùa chiền bị bom đạn tàn phá hư hoại liền động lòng ủng hộ ngay mười lăm ngàn. Chuyện dị kỳ là hấn nhứt định ả danh, căn dặn anh thật kỹ là không để tên hấn, cứ ghi bừa một tên Việt nào đó, Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu gì cũng được, miễn là anh phải đích thân về nước quay phim phát quà, sửa chùa cho lão thấy là tốt rồi! Anh ngần ngừ đòi giới thiệu người khác thay mặt nhưng lão nằng nặc nói chẳng tin ai, mới là chuyện rắc rối chớ!

- Về thì về! Cứ trích ra một ít trong sổ lạc quyền làm chi phí, chớ có hại gì đâu?

- Ấy! Anh thấy lão xài sang nên giả vờ bàn ra : “Tao tính không đi vì muốn tiện tận tiền lạc quyền đến mức tối đa. Minh chuyển tiền về cho người trong nước lo thì có lợi hơn nhiều”. Lão nghe anh nói như vậy, ký ngay cái chi phiếu hai ngàn đồng nữa ra lệnh : “Mầy cầm tiền này làm sở phí, đừng nói

dài dòng nữa!”

- Trời ơi! ngon lành như vậy mà anh chưa chịu đồng ý tức khắc sao?, bà vợ hỏi dồn.

- Dĩ nhiên là anh chớp ngay cơ hội bằng vàng này chứ! nhưng anh nghĩ hai ngàn thì nhiều quá. Anh định về nước xài tiện tặn, khi trở qua sẽ mang trả lại ông ta phân nửa!

- Cái gì mà nhiều! Dư tiền thì lấy vé máy bay cho em đi theo, em cũng thích làm phước lắm chứ bộ! À! còn vụ đứng tên cúng dường thì sao? Anh định chọn tên nào vậy anh?, nàng trỏ giọng nhõng nhẽo.

Hung ra dáng lừng khừng, đáp :

- Lúc đầu anh có ý đề tên anh, nhưng tên anh thì lão ta biết, thằng Bob biết, nên không ổn. Thôi thì anh mượn đỡ tên em vậy!

Hung cầm bảng danh sách ân nhân bảo trợ chia ra :

- Nè! Em xem kỹ hàng cuối cùng kia! Dường như ai mang tên Diệu Soie Thái Lan gì đó phải không? Ý quên! Hi... hi...! Xin lỗi! Hi... hi! Rõ ràng là tên bà Diệu Gấm Thái cầm Lan chỉ ủng hộ “xiu xiu” mười lăm ngàn đô thôi! Kinh thật!

Thấy vợ thộn mặt khoái trá xem tới xem lui bảng danh sách, Hung mỉm cười làm thầm : “Diệu này rồi đây bảng công đức và hình ảnh tác oai tác phúc của nàng có lẽ sẽ được lộng khung treo đầy nhà quá!”

Vợ chồng Hung hí hửng mang tiền về đến phi trường Tân sơn Nhứt. Gia đình bên vợ ở nước ngoài, bên chàng chỉ còn cha mẹ, và gia đình cô chú. Chuyến đi của vợ chồng Hung cũng đột xuất nên chàng đinh ninh sẽ chẳng có mấy người đón rước. Chẳng ngờ, ngay khi còn đang làm thủ tục tại quầy hải quan, Hung đã thấy lô nhố đông đảo bà con xa gần xôn xao vẫy tay chào đón. Bước ra cửa, bà con xúm xịch, mạnh ai nấy reo vui chúc mừng khiến Hung xúc động, lúng lúng chẳng biết ai hỏi câu gì, và nên trả lời ai trước

nữa. Cô dâu thoi thớt lướt nhanh tới trước, thân thiết ôm chầm bà già chồng. Bà già xúc động : “Nhờ hai con mà ước mơ của má thành tựu khiến cho má vui sướng quá chừng hà! Niềm vui của má trở nên vô tận khi má biết rằng chính hai con đã phát tâm đóng góp phần lớn cho công cuộc trùng tu chùa, công đức vô lượng này hiếm có người làm được, a con!”. Hưng thì thào : “Đó là ý kiến của Lan! Đó là tiền mà Lan đã cực khổ làm giờ phụ trội cất ca cất củm để dành đó má!” Bà già tròn xoe đôi mắt trân trối nhìn cô dâu, nét cảm phục lộ hẳn ra ngoài. Lan ứng đối thật nhanh, nàng thỏ thẻ : “Chuyện nhỏ mà má! Miễn má vui thì anh Hưng vui, và như thế thì con mãn nguyện rồi! Má biết hông! Anh Hưng đi làm về là xách sổ đi đến tối mịt mấy tháng trời, không ăn uống ngủ nghỉ gì được, khiến con xót xa quá chừng hà!... Bởi vậy, vừa nghĩ đến nguyện vọng của má khó thành, vừa thương chồng cực khổ, con mới xúi anh lấy đại tiền tiết kiệm bù vào cho xong, má ạ!” Nói đến đây coi bộ Lan cảm động thật tình, nước mắt rung rung, khiến bà già chồng cảm kích cũng khóc ồ ồ... Nhóm đông bu quanh, ai cũng tranh nhau buông lời tán tụng, đưa Lan đến tận mây xanh, khiến Hưng lung bùng lỗ tai, hoa cả mắt, chẳng biết người con gái đó có phải đúng là vợ của chàng không nữa? Bỏ mặc cho đám đàn bà ti tê tâm sự với nhau, ông già đưa Hưng đi chào cảm ơn đám thân hữu hiện diện, đặc biệt có người hoàn toàn lạ mặt : những cụ ông cụ bà thuộc Hội Tương Tế Quảng Bình, mà mẹ mới truy tầm ra trong thời gian gần đây. Hưng hỏi nhỏ : “Ủa! Ba nói mình không mời ai kia mà?”. “Ừ! Thì tuy mình nhứt quyết như vậy, nhưng mẹ con dò kỹ danh sách cúng dường thấy vợ con dám chi một số tiền lớn lao, bả hãnh diện quá bèn cầm tờ giấy đi khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố khoe khoang con dâu với bà con cô bác, thành thử mới xảy ra tình trạng tề tựu đông đảo như thế này”. Khởi đầu chỉ là chuyện “Của người mà phước ta”, Lan được mọi người khâm phục tán thán nên phải ráng hành động chứng tỏ mình hiếu thảo, rộng

rãi, giàu tình thương, khiêm cung, tóm lại nàng đúng là phản ảnh của mẫu người đạo đức thứ thiệt đã nhẹ nhàng cúng dường một số tiền to mà chẳng chút bận tâm. Do đó, Lan bỗng trở nên có những quyết định rất ngoạn mục. Nàng mở rộng hồ bao, mua nguyên gói du lịch mời cha mẹ chồng cùng đi Vịnh Hạ Long, Phong Nha, Huế, đoạn dừng chân tại Quảng Bình, tham dự các chương trình do thầy Hoàng Nghiệp đã tổ chức theo yêu cầu của Hưng : phát quà tại trại cùi, trại dưỡng lão, trại khuyết tật, trại cô nhi, và cuối cùng là buổi lễ then chốt : “Lễ đặt viên đá đầu tiên trùng tu chùa Giác Hải”. Cũng chính Lan bao hai chiếc xe 55 chỗ ngồi cho thân hữu được miễn phí đi tham dự các buổi lễ chánh thức tại Quảng Bình, chương trình còn ưu ái kèm theo mục hành hương thập tự tại Đà Nẵng và Huế cho ai ai cũng thỏa mãn tối đa. Trong các chương trình phước thiện, Lan chẳng những không hề “tác oai tác phúc” như Hưng dự tưởng, mà lại dịu hiền thương yêu thăm hỏi, thân mật chăm sóc mọi người, nàng xử sự tự nhiên ngọt ngào như dòng nước êm ả tắm mát lòng người. Trong các chương trình phước thiện và nhất là trong buổi buổi lễ khởi công trùng tu chùa, nàng luôn luôn được mọi người niềm nở và tán tụng là bậc đại thí chủ, nhưng nàng luôn luôn khiêm cung không dám nhận vinh hạnh đó. Trong khuôn viên chùa Giác Hải, khi bị mời lên phát biểu ý kiến với tư cách vị đại thí chủ, Lan ngượng ngập ấp úng : “ Kính thưa quý thầy. Kính thưa quý Ông bà cô bác. Con không dám nhận là đại thí chủ vì thật ra thì con không có lòng, cũng không có đạo tâm... hành hạnh bố thí như quý vị thương đã ban cho con. Trước đây con không biết gì là cúng dường, là bố thí cả. Nhờ theo chồng về nước con mới mở mắt ra và hiểu biết phần nào. Con học rất nhiều từ mẹ chồng con và của tất cả quý vị về tấm lòng thiết tha đối với đạo pháp, về tấm lòng thương yêu đùm bọc những kẻ bất hạnh. Con mới chính là người đang thọ ơn và vì lẽ đó con xin có lời chân thành cảm tạ. Con cảm tạ tất cả mọi người và đặc biệt là mẹ chồng con đã

tạo cho con cơ hội để nhìn thấy và lắng nghe bao điều khổ đau bất hạnh trên đời, nhờ vậy lòng con mới mở rộng ra...” Lời phát biểu mộc mạc, chẳng có xử dụng ngôn từ nhà Phật nào to tát, nhưng lại gây xúc động sâu xa trong lòng người. Tiếng vỗ tay kéo dài, có kẻ quá cảm kích còn cất tiếng hoan hô, lại có người buột miệng tán thán : “Con người dịu hiền, khiêm cung làm sao! Nhỏ tuổi mà biết bố thí không phân biệt, biết hành hạnh Bồ Tát, thật là việc hiếm có!”

Sau phần nghi lễ là phần cơm chay tự chiêu đãi do Phật tử chùa Giác Hải tổ chức. Vợ chồng Hưng cầm đĩa thức ăn hòa nhập với nhóm Phật tử địa phương nghe họ kể chuyện bước đầu dựng chùa. Thầy Hoàng Nghiệp vô tình đi ngang bỗng dừng lại, hỏi một cư sĩ trọng tuổi, gầy yếu, nước da tái mét : “ Bác Đạo khỏe chưa? Nghe bác bị lụt cuốn suýt chết phải không?”

- Thưa thầy! Con khỏe ạ! Thưa thầy, con đi băng rừng mấy mươi năm nay, gặp lũ lụt là chuyện thường nên không đến nỗi nguy hiểm thầy ạ!

Lan tò mò :

- Xin lỗi bác làm nghề chi ạ?

- Tui là bưu tá đưa thư, cô ạ!

- Nghề phát thư sao phải lội rừng vậy? Bác đi rừng bằng bằng xe jeep hay SUV?

Thấy ông ta ra vẻ lúng túng chẳng biết giải thích cách nào cho cô Việt kiều hiểu rõ lẽ lối hành nghề phát thư trong rừng núi, thầy Hoàng Nghiệp vội đỡ lời :

- Bác Đạo đây là người phát thư thuộc huyện Bồ Trạch, nhưng bác thuộc tuyến đường đặc biệt là các thôn xã cực kỳ hẻo lánh của người thiểu số nằm rải rác trên những đỉnh cao của dãy Trường sơn, không có đường giao thông thuận tiện, chỉ có thể lội bộ : băng rừng, trèo đèo, lội suối... hàng mấy ngày trời mới có thể giao được một phong thư mong manh cho người nhận!

- Ô! Nguy hiểm quá! Muối cắn chết luôn á!

- Muối mòng đen nghịt thì làm sao mà tránh cho khỏi! Cô coi da tui vàng khè như vậy nè! Đã sốt rét kinh niên như thế này, đâu còn sợ muối nữa, miễn là dự trữ đủ ký ninh để uống khi lên cơn sốt là được rồi. Tui chỉ phải cẩn thận tránh hùm beo rắn rết, còn lũ lệt thì nó ập đến bất ngờ, thoát phen nào hay phen nấy cô ạ!

- Ghê quá! Bác thoát nạn mấy lần rồi? Làm sao mà thoát được vậy bác?

- Lớn nhỏ chừng mươi lần, nhưng chỉ có một lần suýt chết. Lần đó, mưa dầm cả tuần, nước ngập mông mên, tui mắc võng trên cành cao, cột cứng thân mình trên đó cho khỏi té. Tui treo tòn ten như vậy, chịu đựng mưa gió, đói rã ruột đến năm ngày đêm, nước mới rút dần. Tui ráng lê lét leo xuống, lồm bồm mò tìm vài cành lá rừng không độc để nhai cầm sức, rồi cố gắng tiếp tục lên đường.

- Tội quá! Bác làm việc khổ cực như vậy, mà họ trả lương mỗi tháng bao nhiêu hả bác?

- Năm 1994 tui lãnh 15,000 một tháng. Bây giờ lương khá hơn, được 440,000 đồng, tính ra cũng gần được 30 đô cô ạ!

- Trời đất hơn! Với 30 đô thì bác làm gì để sống?

Bác Đạo nhe hàm răng cái còn cái mất nở nụ cười dễ dãi đáp :

- Cũng vừa đủ tiền mua rượu cho tui uống ấm bụng trong khi đi đường, và nếu có dư chút đỉnh thì tui mua kim chỉ, lưỡi câu, thuốc cảm, thuốc rét... làm quà cho những kẻ trên non cao.

Thấy Lan vươn đôi mắt tròn xoe nhìn mình, bác Đạo xề xòa tiếp lời :

- À! Tui may mắn có được bà xã đảm đương bán buôn đủ sống rồi, nên đâu cần tiền bạc gì thêm nữa a cô!

- Lạ quá! Bác phải làm việc quá ư khổ cực, tiền bạc lại không ra gì! Sao bác không nghỉ quách đi cho rồi?

- Vợ con tui đều nói y như cô vậy đó. Tui thấy họ nóng lòng thúc hối mãi nên chiều ý đệ đơn xin nghỉ hàng mười lần, nhưng lần nào cũng tình nguyện đi làm lại, bởi vì Bru Điện huyện không tìm được ai chịu thay thế tui đi tuyển đường này cả! cô ạ!

- Tìm không ra người thì họ ráng chịu chứ! Bác hơi sức đâu mà lo?

- Lo lắm chứ cô! Không ai mang thơ lên cho dân tộc thiếu số trên non thì tội nghiệp họ quá đi! Cô biết không thơ nào đối với họ cũng có tầm mức quan trọng cả. Như mới đây, có điện tín báo tin người con trai ở bản Kờ Ru đang làm việc tại Thanh Hóa lâm nạn. Tui phải tức tốc mang điện tín đi suốt ngày đêm không nghỉ lên cho họ. Tới nơi chưa kịp lấy sức thì lại phải dẫn đường cho họ đi Tuyên Hóa để họ kịp thời thấy mặt con lần cuối. Những tin tức cần thiết như vậy, không mang lên cho họ thì sao đành bụng, cô ạ!

Bác Đạo bỗng ngưng lại, ngẩng nhìn về những ngọn núi xa xa, rồi mới chậm rãi nói lời :

- Thời chiến tranh, tui đã từng sống ở vùng rừng núi đó, xóm nào, bản nào tui cũng thân thiết. Ai tui cũng thương như cha mẹ anh em, đi phát thơ cho họ tui cứ coi như đây dịp tốt để tôi thăm bà con, tạo cho họ niềm vui vậy thôi! Tui nào cảm thấy khổ sở gì đâu? Mai đây, đâu có ngày nào trên đường phát thơ bị gục ngã chết bờ chết bụi, tui cũng cam lòng.

Thầy Hoảng Nghiệp tuy bận tiếp tân hàng quan khách, nhưng có lẽ vẫn lắng nghe cuộc đối thoại, thầy bỗng tới gần chấp tay long trọng xá bác Đạo, rồi ôn tồn cất tiếng :

- Bác Đạo ạ! Bác là người mang tâm lượng của bậc bồ tát! Tôi rất khâm phục, nên xin có lời tán thán bác!

- Tội con quá thầy ơi! Con chỉ làm việc phát thơ bình thường thôi! Con đâu có xây chùa, phát chẩn bố thí, cúng dường trai tăng mà được thầy quá khen như vậy!

- Bác Đạo ạ! Thật ra mình chẳng có thể đánh giá nghề nào là tầm thường cả! Đắp đất xây cầu tầm thường không? Nhưng đó cũng là hạnh nguyện của Ngài Trì Địa Bồ Tát. Còn phát thơ như bác, xả thân mang tin tức cho người mà không vì danh vì lợi, cũng là hạnh nguyện của Bồ Tát chứ sao!

Lan bỗng nêu thắc mắc :

- Theo thầy thì những đạo nghiệp như xây chùa, phát chẩn, cúng dường trai tăng có thể đương nhiên coi là hành vi Bồ Tát không?

- Có thể có cũng có thể là không! Mình không thể hời hợt nhìn bề ngoài để phán đoán được. Một đạo nghiệp lớn nếu phát xuất do lòng thành, không làm vì danh vì lợi thì đó là Phật sự, là hành Bồ Tát đạo, ngược lại, nếu thúc đẩy bởi danh lợi mà hành động là đã bỏ Phật để hội nhập với ma, hành ma đạo rồi.

- Eo ơi! Phật với Ma chỉ khác nhau tí xíu hả thầy!

- Đúng vậy đó, đạo hữu. Ma với Phật chỉ khác nhau một niệm mà thôi! Bởi vậy sư phụ thầy thường nhắc nhở chúng đệ tử là phải luôn luôn cẩn mật quán sát mình, kéo suốt đời ra về hùng hực làm Phật sự mà thật ra đã mọc nanh Ma Vương tự lúc nào!

Tháng 8.2004

Lời cuối truyện :

Truyện này được viết với lòng thành kính tán thán một nhân vật có thực : Ông Nguyễn duy Đạo, nhân viên hợp đồng của Bưu điện huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Theo ghi nhận của báo Lao Động (được Việt Báo, xuất bản tại Nam Cali ngày 25.8.2002 đăng lại), trong hơn 10 năm ròng rã, bằng đôi chân trần, trèo đèo, lội suối, chịu đựng nhiều lần lạc đường, lũ lụt, cạp beo tấn công..., trong cơn đói lả, sốt rét hành hạ, Ông vẫn trì chí bươn bả

một thân một mình làm lữ giữa những con đường không mấy ai dám đi để mang thơ đến các thôn bản xa tít tắp trên rẻo cao, vách núi tai mèo ở vùng biên...cho các sắc dân : Ma Coong, Krai, Mày, Vân Kiều, Khùa... Ông Đạo chỉ được trả đồng lương vừa đủ tiền uống rượu ấm bụng trong khi đi đường (chưa đầy 30 dollars vào thời điểm năm 2002), nhưng ông vẫn vui vẻ hoàn thành sứ mạng của mình. Ông không thể nghỉ được bởi vì : “Bà con thương tui như rứa, làm răng tui nghỉ việc được. Mà nếu tui nghỉ việc e không có ai thay tui. Thiệt e không có ai”